

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH TRÀ VINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04 /CT-UBND

Trà Vinh, ngày 22 tháng 6 năm 2018

CHỈ THỊ

**Về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019**

Năm 2019 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020 và Nghị quyết Đại hội Đại biểu tỉnh Đảng bộ Trà Vinh lần thứ X (nhiệm kỳ 2015 - 2020). Bên cạnh những thuận lợi, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, tình hình trong nước và tỉnh nhà còn những biến động phức tạp, khó lường, nhất là tình hình thời tiết, biến đổi khí hậu, thị trường giá cả hàng hóa. Với quyết tâm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, Chủ tịch UBND tỉnh Chỉ thị các Sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp nhà nước tập trung chỉ đạo xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, với các yêu cầu, nhiệm vụ và nội dung chủ yếu sau:

A. YÊU CẦU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

1. Các sở, ngành, UBND cấp huyện nghiêm túc đánh giá đúng thực chất tình hình phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2018. Tập trung đánh giá, phân tích sâu kết quả đạt được trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội, tái cơ cấu kinh tế, thực hiện các đột phá lớn, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, khuyến khích phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp; các lĩnh vực khoa học, giáo dục, đào tạo, chăm lo an sinh và phúc lợi xã hội, tài nguyên và môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, quốc phòng, an ninh,... phân tích sâu những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy sản xuất và tăng trưởng, cải thiện đời sống nhân dân.

2. Dự báo kịp thời, sát với tình hình trong nước, khu vực và thế giới, những cơ hội, thách thức và khó khăn đối với sự phát triển của ngành, lĩnh vực để có biện pháp thích ứng, hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực có thể xảy ra.

3. Trên cơ sở dự ước kết quả đạt được trong năm 2018 và dự báo tình hình, khả năng phát triển thực tế của từng ngành, lĩnh vực, các sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện xác định mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

4. Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 phải phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016

– 2020, Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ X (nhiệm kỳ 2015 - 2020), Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020.

5. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 phải được triển khai xây dựng đồng bộ, hệ thống, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị.

6. Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng, hiệu quả và tăng cường trách nhiệm giải trình trong xây dựng kế hoạch và phân bổ các nguồn lực.

B. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng GRDP đạt từ 12% trở lên (phấn đấu theo chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội X tỉnh đảng bộ), nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng; cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; tăng cường nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học – công nghệ; phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; phát triển văn hóa; quản lý tài nguyên, cải thiện cảnh quan, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

II. ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Về kinh tế

1.1. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2019 tăng 12% trở lên so với năm 2018. Các huyện, thị xã và thành phố căn cứ vào số liệu tăng trưởng kinh tế (GRDP) 6 tháng đầu năm 2018 của tỉnh, ước thực hiện cả năm và dự báo khả năng phát triển, xác định giá trị sản xuất cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

1.2. Trên cơ sở định hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ; căn cứ vào khả năng, tiềm lực ngành, địa phương, tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, tập trung khắc phục những khó khăn thách thức, huy động tối đa mọi nguồn lực, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách và đầu tư công ở các cấp, các ngành và địa phương, đơn vị; huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phục vụ cho phát triển nền kinh tế.

Kiểm soát tăng trưởng tín dụng hợp lý, nâng cao chất lượng, tập trung cho các lĩnh vực ưu tiên, khu vực sản xuất, kinh doanh. Phát triển hệ thống tài chính an toàn, vững mạnh theo định hướng thị trường, đảm bảo sự tiếp cận dịch vụ tài chính có chất lượng cho các doanh nghiệp siêu nhỏ, kinh tế hợp tác và kinh tế hộ, nhất là hộ nghèo và người có thu nhập thấp. Quản lý chặt chẽ các giao dịch thanh toán điện tử, đảm bảo an toàn giao dịch tài chính.

1.3. Tập trung thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế và các ngành, lĩnh vực theo hướng tăng cường đổi mới, sáng tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020. Thực hiện có hiệu quả Đề án cơ cấu lại đầu tư công nhằm chuyển đổi và hình thành cơ cấu đầu tư hợp lý, nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của đầu tư công và chất lượng thể chế quản lý đầu tư công; thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển. Tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu.

Phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững trên cơ sở thích nghi và khai thác các lợi thế do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển công nghiệp bảo quản, chế biến vừa nâng cao hiệu quả sản xuất, vừa tiêu thụ kịp thời nông sản cho nông dân và đa dạng hóa sản phẩm; khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh và ứng dụng công nghệ cao; tăng cường ứng dụng cơ giới hóa trong tất cả các khâu trong sản xuất nông nghiệp, phù hợp với điều kiện của tỉnh. Quản lý chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp. Triển khai có hiệu quả chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, chính sách về bảo hiểm nông nghiệp. Tiếp tục cải cách, cắt giảm các điều kiện kinh doanh và thủ tục kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp.

Thúc đẩy cơ cấu lại công nghiệp; phát triển sản xuất công nghiệp theo chiều sâu, từng bước tạo ra những sản phẩm có sức cạnh tranh; nâng cao sự đóng góp của khoa học và công nghệ vào các ngành công nghiệp. Khuyến khích đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất, chủ động tham gia và phát huy thành quả của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư nhằm nâng cao năng suất lao động, phát triển các ngành công nghiệp mới có lợi thế.

Đẩy mạnh cơ cấu lại, phát triển các ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức, công nghệ và giá trị gia tăng cao. Tạo đột phá để phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn theo Kế hoạch số 48-KH/TU ngày 12/6/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, những nhiệm vụ, giải pháp đột phá phát triển du lịch năm 2018 và những năm tiếp theo.

1.4. Tập trung thực hiện hiệu quả, đồng bộ 3 đột phá trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, với 6 nhiệm vụ tập trung, 03 nhiệm vụ đột phá năm 2018 và những năm tiếp theo, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với tận dụng cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; trong đó:

Đẩy nhanh việc triển khai thực hiện Chương trình hành động số 19-CTr/TU ngày 15/8/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tập trung phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ; các cấp, các ngành xây dựng chương trình, kế hoạch hành động, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, nâng cao năng suất lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập; tận dụng tối đa cơ hội của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Đẩy mạnh xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ theo hướng mở, liên kết vùng và khu vực. Huy động nhiều nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, xây dựng nông thôn mới; tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 – 2020, nhất là các dự án lớn, quan trọng, thiết yếu, lan tỏa như: Đường tỉnh 915B, Hạ tầng thiết yếu phục vụ vùng sản xuất cây ăn trái tập trung 02 huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh, Bệnh viện đa khoa tỉnh... Rà soát, xây dựng các quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch và các ý kiến chỉ đạo của Chính phủ. Triển khai thực hiện có hiệu quả và đúng pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP). Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 19/12/2017 của UBND tỉnh về nâng cao chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin – truyền thông trên địa bàn tỉnh.

1.5. Bảo đảm môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng; phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế.

Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh gắn với nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tạo chuyển biến rõ nét, nhất là các nhóm chỉ tiêu xếp hạng thấp; giảm tối đa các chi phí trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, tạo điều kiện để giảm chi phí đầu vào, khuyến khích đổi mới công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Tập trung thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 15/8/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hoàn thiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ cho khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp trên địa bàn. Khuyến khích phát triển ý tưởng, tạo điều kiện khởi nghiệp; vận động, hướng dẫn những hộ kinh doanh có tiềm lực chuyển đổi lên doanh nghiệp. Nâng cao năng lực xúc tiến, thu hút đầu tư; tập trung hỗ trợ, cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư đến tìm kiếm cơ hội đầu tư vào tỉnh; hỗ trợ có hiệu quả các nhà đầu tư đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư để sớm triển khai dự án; chủ động xúc tiến các nhà đầu tư đã ký ghi nhớ đầu tư; rà soát tình hình triển khai, kiên quyết thu hồi các dự án đã cấp chủ trương đầu tư nhưng không triển khai hoặc triển khai chậm.

Đẩy mạnh việc triển khai các chính sách phát triển khuyến khích, phát triển HTX⁽¹⁾. Đẩy nhanh triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhất là các hoạt động hỗ trợ từ các dự án SME.

1.6. Tập trung đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch; trong đó: (1) triển khai lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2021 - 2030; (2) rà soát tổng hợp các quy hoạch đã được lập, điều chỉnh, thẩm định mà chưa được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch quy hoạch tỉnh; (3) rà soát các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ đang gây khó khăn, cản trở đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân để bãi bỏ theo quy định của Luật quy hoạch.

2. Về văn hóa - xã hội

2.1. Thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo đảm an sinh xã hội: tiếp tục thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và cuộc vận động “An sinh xã hội”. Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, ưu tiên nguồn lực phát triển vùng đồng bào dân tộc Khmer, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển. Chú trọng giải quyết việc làm gắn với phát triển thị trường lao động. Quản lý hiệu quả, chặt chẽ công tác đưa lao động trong tỉnh đi làm việc ở nước ngoài và lao động nước ngoài làm việc tại tỉnh. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII) về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội. Mở rộng diện bao phủ, nâng cao hiệu quả của hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Triển khai thực hiện tốt và kịp thời các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội.

2.2. Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân: triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch số 73-KH/TU, ngày 08/01/2018 thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, Kế hoạch số 74-KH/TU ngày 08/01/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới. Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động mạng lưới y tế cơ sở, chăm sóc sức khỏe ban đầu. Tiếp tục đầu tư

¹ Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017 – 2020; Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành một số chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2017-2020; Nghị quyết số 56/2018/NQ-HĐND ngày 04/5/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành chính sách hỗ trợ hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.

cơ sở vật chất nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, giảm quá tải bệnh viện tuyến trên, phát triển y học cổ truyền, y tế ngoài công lập, đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực y tế. Chủ động, tích cực phòng, chống dịch bệnh. Tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, môi trường y tế.

2.3. Phát triển giáo dục đào tạo: tiếp tục đổi mới, tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế. Nâng cao năng lực nghiên cứu, giảng dạy trong các cơ sở giáo dục; tăng cường giáo dục kỹ năng, kiến thức cơ bản, tư duy sáng tạo, khả năng thích nghi với yêu cầu Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, đào tạo nghề đáp ứng các xu thế công nghệ sản xuất mới. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực phát triển giáo dục. Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học. Quan tâm xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Đẩy mạnh tự chủ trong các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Tiếp tục thực hiện các biện pháp nâng cao tỷ lệ và chất lượng lao động qua đào tạo.

2.4. Về phát triển khoa học công nghệ: tập trung thực hiện có hiệu quả các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia theo hướng gắn kết chặt chẽ với sự phát triển của ngành, lĩnh vực. Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp. Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp tham gia thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, nhất là các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển các sản phẩm chủ lực theo chuỗi giá trị có tiềm năng xuất khẩu. Ưu tiên triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tiếp cận nguồn vốn cho doanh nghiệp.

2.5. Phát triển văn hóa, thể dục thể thao: xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú, đa dạng, khắc phục các biểu hiện xuống cấp về đạo đức xã hội; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa. Tăng cường quản lý các lễ hội, hoạt động văn hóa. Đẩy mạnh phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng. Thực hiện hiệu quả các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Chú trọng công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền lợi của trẻ em; phát triển thanh niên. Quan tâm chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi. Thực hiện tốt các chính sách quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. Tăng cường công tác quản lý người nghiện và cai nghiện ma túy.

2.6. Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông đảm bảo công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả đến nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, nhất là trong phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư. Nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản. Thông tin đầy đủ, kịp thời về các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm; tạo hiểu biết và nhận thức đúng trong toàn xã hội về bản chất, đặc trưng, các cơ hội và thách thức của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại, nhất là về cơ chế, chính sách gắn liền với cuộc sống của người dân và hoạt động của doanh nghiệp.

3. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Tăng cường quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản, nhất là cát lòng sông. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm, nhất là xỉ than và tro bay Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải, các khu, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất.

Nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống quan trắc, dự báo về tài nguyên môi trường. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường; khuyến khích phát triển, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Quản lý tốt cống bọng, đê điều, tăng cường theo dõi, dự báo tình hình thời tiết, xâm nhập mặn, chủ động ngăn mặn trữ ngọt phục vụ sản xuất nông nghiệp. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện tốt công tác chăm sóc, bảo vệ và phát triển rừng. Nâng cao khả năng phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 28/12/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng và vệ sinh môi trường tại các đô thị, khu dân cư, trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

4. Cải cách hành chính; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chỉ số PAR Index, PCI, PAPI; đẩy nhanh xây dựng chính quyền các cấp “*Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, hiệu quả*”. Đẩy mạnh triển khai các giải pháp thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020. Tiếp tục thực hiện các Kế hoạch số 71, 72 của Tỉnh ủy thực hiện các Nghị quyết số 18, 19 của BCH Trung ương Đảng (Khóa XII) một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với Kế hoạch số 08/KH-UBND của UBND tỉnh về tinh giản biên chế đến năm 2021. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước nhất là Trung tâm hành chính công gắn với công khai, minh bạch, thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; đề cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan, cán bộ nhà nước. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử.

Tập trung thanh tra, kiểm tra các vấn đề dư luận quan tâm liên quan đến tham nhũng, lãng phí. Đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử các vụ án kinh tế, tham nhũng để làm rõ và xử lý nghiêm minh các tổ chức, cá nhân có sai phạm. Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, không để các vụ việc tồn đọng, kéo dài, khiếu kiện đông người, vượt cấp.

5. Quốc phòng - an ninh

Tiếp tục xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc gắn với thế trận an ninh nhân dân. Chủ động đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên, còn, cù lao.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phòng, chống vi phạm pháp luật, kiểm chế tội phạm, giảm các loại trọng án, giảm tội phạm tại các địa bàn trọng điểm; xây dựng xã hội an toàn, lành mạnh. Tăng cường công tác bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh, an toàn thông tin mạng. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn giao thông.

6. Về đánh giá giữa kỳ thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế

Các Sở, Ban ngành tỉnh và địa phương rà soát, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện giữa kỳ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X; Báo cáo đánh giá sơ kết sơ kết 03 năm thực hiện Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 18/01/2017 của Tỉnh ủy, Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 18/4/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/02/2017 của Chính phủ và Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 18/01/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế và Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020.

III. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

Năm 2019 là năm thứ 4 triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 08/12/2016, Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 và Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh; tiếp tục triển khai Kế hoạch số 49-KH/TU ngày 19/6/2017 của Tỉnh ủy Trà Vinh về việc thực hiện Nghị quyết 07-NQ/TW ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững và là năm thứ 2 triển khai kế hoạch tài chính 03 năm theo Luật NSNN năm 2015.

Mục tiêu cho công tác xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và lập kế hoạch tài chính 03 năm 2019-2021 là: Thực hiện cơ cấu lại ngân sách gắn với việc sắp xếp lại bộ máy tổ chức, tinh giản biên chế, đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập; siết chặt kỷ cương, kỷ luật ngân sách, tăng cường quản lý thu; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả ngân sách.

1. Dự toán NSNN năm 2019

1.1. Dự toán thu NSNN

Dự toán thu NSNN năm 2019 phải được xây dựng theo đúng chính sách chế độ hiện hành, trên cơ sở đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2018; tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi các chính sách.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, chống thất thu, tăng cường xử lý nợ đọng thuế. Phân đầu dự toán thu nội địa (không kể thu tiền sử dụng đất, thu từ xổ số kiến thiết) tăng 17% so với ước thực hiện năm 2018.

1.2. Dự toán chi NSNN năm 2019

Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2019 phù hợp với các mục tiêu cơ cấu lại ngân sách theo Kế hoạch số 49-KH/TU ngày 19/6/2017; Kế hoạch số 71, 72-KH/TU ngày 08/01/2018 của Tỉnh ủy, các Nghị quyết của HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 – 2020. Tiếp tục quán triệt yêu cầu thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, chủ động sắp xếp thứ tự các nhiệm vụ chi ưu tiên theo mức độ quan trọng, cấp thiết và khả năng triển khai trong năm 2019. Chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách mới khi thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo; chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

Khi xây dựng dự toán và bố trí NSNN năm 2019, các Sở ngành, địa phương, đơn vị cần chú ý các nội dung sau:

a) Chi đầu tư phát triển:

Chi đầu tư phát triển nguồn NSNN (bao gồm cả nguồn vốn ODA, vốn viện trợ, vốn trái phiếu Chính phủ, nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn thu tiền sử dụng đất) phải phục vụ mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020.

Việc bố trí vốn kế hoạch chi đầu tư phát triển nguồn NSNN phải thực hiện đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn và các Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh về nguyên tắc tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2016 – 2020.

Ưu tiên bố trí vốn đầu tư cho 02 Chương trình MTQG và các Chương trình mục tiêu đã được phê duyệt nhằm hướng đến mục tiêu giảm nghèo, tạo việc làm, phát triển nông nghiệp, nông thôn, vùng đồng bào dân tộc; các dự án, công trình y tế, giáo dục, các dự án phát triển hạ tầng liên ngành, liên lĩnh vực để thúc đẩy phát triển kinh tế, tăng trưởng GRDP. Chương trình dự án bố trí kế hoạch vốn NSNN năm 2019 phải có trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn, trừ dự án khẩn cấp theo quy định của Luật đầu tư công.

Toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có nhà, đất) sau khi trừ chi phí liên quan phải nộp NSNN và được ưu tiên bố trí trong dự toán chi NSNN cho mục đích đầu tư phát triển theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn Luật. Các Sở, Ban ngành tỉnh và địa phương lập dự toán thu, chi NSNN năm 2019 từ nguồn thu này gửi cơ quan

kế hoạch và đầu tư, cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp dự toán NSNN trình cấp có thẩm quyền quyết định.

b) Chi thường xuyên:

Xây dựng dự toán chi thường xuyên theo từng lĩnh vực đảm bảo đủ nhiệm vụ, đúng chính sách, chế độ trong phạm vi định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên theo quy định tại Nghị quyết số 10/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh, Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh sửa đổi bổ sung Nghị quyết số 10/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh, bao gồm cả các chính sách đối với các đối tượng nghèo đa chiều theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Thực hiện rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Kế hoạch số 71-KH/TU ngày 08/01/2018 của Tỉnh ủy; thực hiện triệt để tiết kiệm các khoản chi ngân sách, rà soát sắp xếp các nhiệm vụ chi chưa thật sự cần thiết hạn chế mua xe ô tô công và trang thiết bị đặc tiên; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, đi công tác nước ngoài.

Tập trung hoàn thiện, ban hành các danh mục sự nghiệp công sử dụng NSNN; đẩy nhanh việc đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo Kế hoạch số 72-KH/TU ngày 08/01/2018 của Tỉnh ủy. Đẩy mạnh việc đặc hàng, giao nhiệm vụ cho đơn vị sự nghiệp công lập theo khối lượng đơn giá được phê duyệt và nghiệm thu theo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

c) Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu:

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình, tổng mức vốn, kinh phí giai đoạn 2016 - 2020 đã được duyệt, mức đã bố trí giai đoạn 2016 - 2018 và khả năng thực hiện, các Sở, ngành, địa phương được giao quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu thực hiện lập dự toán vốn, kinh phí thực hiện chương trình phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ năm 2019; đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp vào dự toán chi thực hiện các chương trình của tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và cơ quan chủ trì chương trình theo quy định.

d) Đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài:

Căn cứ quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn thi hành, căn cứ Hiệp định đã ký với nhà tài trợ, tiến độ khả năng thực hiện dự án năm 2019 và trong phạm vi hạn mức vốn ngoài nước trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020, kế hoạch tài chính 03 năm 2018 - 2021; trên cơ sở cơ chế tài chính của các chương trình, dự án, các Sở ngành và các địa phương thực hiện lập dự toán các chương trình, dự án có sử dụng vốn ngoài nước, chi tiết vốn vay nợ nước ngoài (bao gồm vay ODA, vay ưu đãi), vốn viện trợ, vốn đối ứng; phân định theo tính chất chi đầu tư phát triển, chi sự nghiệp; ưu tiên bố trí đủ kế hoạch vốn cho các dự án kết thúc hiệp định trong năm kế hoạch.

đ) Lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương:

Các sở, ban ngành và địa phương tiếp tục lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương bao gồm: tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); 50% nguồn tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết); một phần nguồn thu được để lại theo chế độ quy định; nguồn thực hiện cải cách tiền lương các năm trước còn dư;...); nguồn dành ra do triển khai thực hiện Kế hoạch số 71, 72-KH/TU ngày 08/01/2018 của Tỉnh ủy.

e) Ngân sách địa phương các cấp bố trí dự phòng ngân sách theo đúng quy định của Luật NSNN năm 2015 để chủ động ứng phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

g) Lập kế hoạch các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách năm 2019: Các Sở, ban, ngành và địa phương báo cáo báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2018 và dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2019 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật NSNN năm 2015 và các văn bản hướng dẫn.

1.3. Xây dựng dự toán ngân sách địa phương

Ngoài thực hiện theo đúng các yêu cầu tại các mục 1.1 và 1.2 phần III.1 của Chỉ thị này, việc xây dựng dự toán ngân sách địa phương các cấp năm 2019 còn phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Dự toán thu NSNN trên địa bàn

Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các cơ quan Tài chính, Thuế, UBND các xã, phường, thị trấn phối hợp với các cơ quan liên quan chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh trong việc xây dựng dự toán thu ngân sách với yêu cầu tích cực, sát thực tế phát sinh, tổng hợp đầy đủ các khoản thu ngân sách mới trên địa bàn; lấy chỉ tiêu pháp lệnh thu Bộ Tài chính, UBND tỉnh giao làm căn cứ chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn.

b) Dự toán chi ngân sách địa phương:

Căn cứ vào dự kiến nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, tỷ lệ % phân chia nguồn thu giữa ngân sách tỉnh với ngân sách các huyện, thị xã, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn; số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố trong thời kỳ ổn định ngân sách; trên cơ sở mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2016 - 2020 và mục tiêu, nhiệm vụ của năm 2019; căn cứ thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách của địa phương năm 2017, ước thực hiện năm 2018, xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương (chi đầu tư, chi thường xuyên) chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ, chế độ chính sách đã ban hành; xác định dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho cấp huyện để thực hiện các chính

sách, chế độ của trung ương và của tỉnh ban hành sau khi đã chủ động sử dụng các nguồn của địa phương (kể cả nguồn cải cách tiền lương còn dư).

c) Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất:

Việc xây dựng dự toán thu tiền sử dụng đất trên địa bàn năm 2019 đảm bảo phù hợp với việc triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt kế hoạch, tiến độ thực hiện đấu giá sử dụng đất, giao đất và nộp tiền sử dụng đất theo quy định. Đồng thời lập phương án bố trí dự toán chi đầu tư xây dựng các dự án di dân, tái định cư, chuẩn bị xây dựng; sử dụng tối thiểu 10% tổng số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để thực hiện công tác đo đạc đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính.

d) Đối với bội chi/bội thu, vay và trả nợ của ngân sách tỉnh:

Thực hiện đánh giá đầy đủ tác động của nợ ngân sách địa phương, nhu cầu huy động vốn cho đầu tư phát triển và khả năng trả nợ trong trung hạn của ngân sách địa phương trước khi đề xuất các khoản vay mới.

Đối với các dự án ODA và vay ưu đãi, các Sở, ngành và địa phương chủ động phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương có liên quan để hoàn thiện các thủ tục và ký kết Hiệp định làm cơ sở bố trí kế hoạch vốn trong dự toán năm 2019; dự kiến khả năng giải ngân của từng khoản vay để xây dựng kế hoạch vay nợ và bội chi ngân sách địa phương cho phù hợp.

Chủ động bố trí nguồn để trả nợ đầy đủ các khoản nợ (cả gốc và lãi) đến hạn, đặc biệt là các khoản vay từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài về cho vay lại.

2. Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019 - 2021

Trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 - 2020; các mục tiêu định hướng cơ cấu lại ngân sách, nợ công giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng giai đoạn 2021 - 2030 theo Kế hoạch số 49-KH/TU ngày 19/6/2017 của Tỉnh ủy Trà Vinh, căn cứ các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu trong thời gian 02 năm còn lại của kế hoạch 05 năm 2016 - 2020, Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2018 - 2020; Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019 - 2021 và chương trình quản lý nợ 03 năm cấp tỉnh theo quy định của Luật NSNN năm 2015, Luật quản lý nợ công sửa đổi và các văn bản hướng dẫn; các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019 - 2021 thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp để tổng hợp theo quy định.

Tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, các địa phương xây dựng cụ thể các chỉ tiêu dự báo trung hạn 03 năm 2019 - 2021 về thu ngân sách; dự kiến tổng chi ngân sách địa phương, chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên phân cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2019 - 2021 phù hợp với khả năng cân đối thu.

Trong quá trình lập kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm 2019 - 2021, cần rà soát, cập nhật, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu cơ cấu lại ngân sách nhà nước, nợ công đã đề ra cho cả giai đoạn 2016 - 2020, đề xuất các giải pháp phân đầu phát triển quy mô ngân sách theo hướng an toàn, bền vững. Trên cơ sở mục tiêu, kế hoạch hành động, triển khai Kế hoạch số 71, 72-KH/TU ngày 08/01/2018 của Tỉnh ủy, tính toán đầy đủ các tác động, xác định nguồn lực ngân sách có thể dành ra từ sắp xếp lại bộ máy tổ chức, tinh giản biên chế, đổi mới khu vực sự nghiệp công để tạo nguồn cải cách tiền lương theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII).

IV. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

1. Về Kế hoạch đầu tư công năm 2019

Xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2019 theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung có hiệu lực (nếu có) và các văn bản hướng dẫn thi hành luật, trong đó lưu ý các nguyên tắc:

1.1. Đối với kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước: thực hiện theo quy định tại điểm a, mục 1.2 phần III nêu trên.

1.2. Đối với kế hoạch đầu tư nguồn thu để lại cho đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước: tính toán xác định đủ các khoản thu theo quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn thi hành.

1.3. Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác xây dựng, tổng hợp, giao và triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2019 trên Hệ thống thông tin đầu tư công quốc gia tại địa chỉ <https://dautucong.mpi.gov.vn>.

2. Về rà soát kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020

Căn cứ các Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 08/12/2016, Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 13/7/2017, Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 về kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 - 2020; Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020; Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2018 - 2020; trên cơ sở Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã được giao, các Sở, Ban ngành và địa phương tiến hành:

2.1. Đánh giá những kết quả đã đạt được, những tồn tại, hạn chế và khó khăn, thách thức sau 03 năm thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

2.2. Dự kiến tình hình thực hiện và khả năng giải ngân của từng dự án đã được giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn, tổng hợp tình hình thực hiện và khả năng giải ngân các nguồn vốn trong phạm vi tổng số vốn đầu tư công trung hạn đã được giao còn lại trong 02 năm 2019 và 2020.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Hướng dẫn cụ thể về nội dung và tiến độ để các Sở, Ban ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Kế hoạch đầu tư công năm 2019; dự kiến khả năng huy động và cân đối kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 cho các ngành, lĩnh vực, các huyện, thị xã, thành phố để xây dựng và triển khai thực hiện. Rà soát kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 theo quy định.

Làm việc với các Sở, ban ngành và huyện, thị xã, thành phố về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 và Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2019. Phối hợp với Sở Tài chính dự kiến phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương, nguồn thu xổ số kiến thiết, vốn bổ sung có mục tiêu của ngân sách Trung ương, vốn ODA và vốn trái phiếu Chính phủ năm 2019 trình UBND tỉnh.

Chủ trì tổng hợp xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công năm 2019, báo cáo UBND tỉnh xem xét, trình cấp có thẩm quyền xem xét.

2. Sở Tài chính:

Trình UBND tỉnh ban hành văn bản: Hướng dẫn các sở ngành và địa phương lập dự toán NSNN năm 2019 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019 - 2021, Thông báo giao số kiểm tra thu - chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho các sở ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan liên quan xây dựng, tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2019 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019 - 2021 để trình Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến trước khi gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Kiểm toán Nhà nước theo quy định.

3. Các sở, ngành, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước:

Tổ chức đánh giá tình hình ước thực hiện kế hoạch và dự toán năm 2018; xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực mình phụ trách phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của cơ quan, đơn vị, tổ chức mình gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính làm căn cứ xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

Các sở, ngành, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao đề xuất các giải pháp, các cơ chế, chính sách, chế độ mới hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp trình Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

Chỉ đạo xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước, Kế hoạch đầu tư công năm 2019 của địa phương, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách của cấp mình.

Tổ chức lấy ý kiến của các tổ chức đoàn thể, cộng đồng dân cư về dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước, Kế hoạch đầu tư công năm 2019, nhằm tạo sự đồng thuận cao, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

5. Về tiến độ xây dựng kế hoạch:

Các sở, ngành, địa phương, đơn vị khẩn trương xây dựng kế hoạch phát triển KTXH, dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, tình hình thu - chi tài chính năm 2018 và dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2019 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019 - 2021 gửi về Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 15/7/2018**.

Sở Tài chính, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan liên quan xây dựng, tổng hợp kế hoạch phát triển KTXH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2019 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021 để trình Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến trước khi gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Kiểm toán Nhà nước **trước ngày 20/7/2018**.

Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành tỉnh (3 hệ);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- BLĐVP, các phòng NC, QT;
- Lưu: VT. 05

CHỦ TỊCH 

Đông Văn Lâm